

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29-9-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Cảnh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hồ Quang Hiền và ông Hồ Giang Nam.

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

-**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:**
Bà Hoàng Thị Thùy Dung, chức vụ: Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 88/2021/TLST-HNGĐ, ngày 24/6/2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27/8/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2021/QĐHPTT-HNGĐ, ngày 13/9/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994 - Có mặt.

Bị đơn: Anh Hà Đình C, sinh năm 1990 – Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Bon Y, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2021 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 21/6/2021), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Hà Đình C kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N năm 2013. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh C thường xuyên đánh đập chị T, không lo làm ăn kinh tế lại thường hay đánh bài dẫn đến nợ nần. Từ cuối tháng 8 năm 2018 anh chị đã không còn chung sống với nhau. Anh C làm thiết kế nội thất nên thường xuyên đi các tỉnh xa, nơi ở không cố định, thỉnh thoảng về nhà thăm con rồi lại đi. Trong thời gian không sống chung, anh chị cũng có hàn gắn tình cảm nhưng không được, hiện nay anh C đang có quan

hệ yêu đương với người phụ nữ khác. Chị T nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc, tình cảm yêu thương không còn nên chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh C.

Về yêu cầu nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2021 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 21/6/2021), chị T yêu cầu giao con chung Hà Anh K1, sinh ngày 24/11/2012 cho anh Hà Đình C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hà Anh K2, sinh ngày 22/8/2014 đến tuổi trưởng thành. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên nay anh C không về làm việc, vì vậy chị T có nguyện vọng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung đến tuổi trưởng thành, chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Hà Đình C vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết. Ngày 27/7/2021, Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã ban hành Quyết định số 12/2021/QĐ-TA về việc đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho anh C biết về nội dung khởi kiện của chị T. Tại phiên tòa, anh C vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70; Điều 72; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Hà Đình C.

Về yêu cầu nuôi con chung: Giao con chung Hà Anh K1, sinh ngày 24/11/2012 và Hà Anh K2, sinh ngày 22/8/2014 cho chị Nguyễn Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Về các vấn đề khác đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung nên quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn là anh Hà Đình C có nơi cư trú tại bon Y, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho anh C theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại biên bản xác minh về nơi cư trú ngày 12/7/2021 thể hiện: anh C đăng ký hộ khẩu thường trú tại bon Y, xã N, huyện K. Tuy nhiên anh C đã vắng mặt tại địa phương được khoảng 02 năm, thỉnh thoảng anh C về nhà thăm con, anh C không thay đổi nơi cư trú, không khai báo tạm vắng nên chính quyền địa phương không biết anh C đang sinh sống và làm việc ở đâu. Ngày 27/7/2021, Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã ban hành Quyết định số 12/2021/QĐ-TA về việc đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho anh C biết về nội dung khởi kiện của chị T. Phiên tòa ngày 13/9/2021, bị đơn anh C vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quyết định hoãn phiên tòa có thông báo thời gian mở lại phiên tòa đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Việc bị đơn không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Hà Đình C kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông vào ngày 06-8-2013. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Chị T trình bày sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh C thường xuyên đánh đập chị T, không lo làm ăn kinh tế lại thường hay đánh bài dẫn đến nợ nần. Từ cuối tháng 8 năm 2018 anh chị đã không còn chung sống với nhau. Anh C làm thiết kế nội thất nên thường xuyên đi các tỉnh xa, nơi ở không cố định, thỉnh thoảng về nhà thăm con rồi lại đi. Trong thời gian không sống chung, anh chị cũng có hàn gắn tình cảm nhưng

không được. Tại biên bản xác minh ngày 12/7/2021 tại bon Y, xã N thể hiện mặc dù địa phương không nhận được yêu cầu bảo vệ cũng như giải quyết mâu thuẫn nào từ phía chị T và anh C nhưng mâu thuẫn của vợ chồng chị T đã xảy ra được khoảng 02 năm do anh C thường xuyên chơi bời, không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con, hiện nay anh chị không chung sống với nhau, anh C đi làm xa, thỉnh thoảng có về nhà.

Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chung sống có hạnh phúc phải dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, phải chung sống với nhau để cùng nhau quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, phải có sự hòa hợp, chia sẻ với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống, việc anh C và chị T bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau, anh chị lại không chung sống với nhau, không tìm cách hàn gắn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân trầm trọng, làm cho mục đích hôn nhân không đạt được, chị T cương quyết ly hôn, anh C không đến Tòa án làm việc nên không thể hiện được ý chí, nguyện vọng của bản thân muốn hay không muốn đoàn tụ vì vậy cần căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

[3.2]. Về yêu cầu con chung: Chị T và anh C có 02 con chung Hà Anh K1, sinh ngày 24/11/2012 và Hà Anh K2, sinh ngày 22/8/2014.

Khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

Hội đồng xét xử xét thấy chị T có nguyện vọng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành. Các con chung cũng có nguyện vọng được ở cùng với chị T. Anh C bỏ nhà đi, không quan tâm, chăm sóc tới gia đình và con cái, các con chung còn nhỏ, cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ, vì vậy việc giao con chung cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là cần thiết, bảo đảm cho quyền lợi của các cháu.

Vì vậy cần giao con chung Hà Anh K1, sinh ngày 24/11/2012 và Hà Anh K2, sinh ngày 22/8/2014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị T và anh Hà Đình C có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại các Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3]. Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngày 27/7/2021, chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về nội dung khởi kiện của chị đối với anh Hà Đình C. Vì vậy chị T phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền 5.025.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 5.025.000 đồng mà chị T đã nộp ngày 30/7/2021 tại Tòa án nhân dân huyện K; Phiếu thu ngày 30/7/2021 tại Cơ quan thường trú Đài tiếng nói Việt Nam khu vực Tây Nguyên; Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 06/8/2021 của Công ty cổ phần thông tin truyền thông Công lý.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 180, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

a. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Hà Đình C.

b. Về yêu cầu nuôi con chung: Giao con chung Hà Anh K1, sinh ngày 24/11/2012 và Hà Anh K2, sinh ngày 22/8/2014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Hà Đình C cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh Hà Đình C và chị Nguyễn Thị T có các quyền, nghĩa vụ sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chưa thành niên theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Quyền yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

c. Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: chị Nguyễn Thị T phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền 5.025.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 5.025.000 đồng mà chị T đã nộp ngày 30/7/2021 tại Tòa án nhân dân huyện Krông Nô; Phiếu thu ngày 30/7/2021 tại Cơ quan thường trú Đài tiếng nói Việt Nam khu vực Tây Nguyên; Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 06/8/2021 của Công ty cổ phần thông tin truyền thông Công lý.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông theo biên lai số 0004206/BL-THA, ngày 21/6/2021.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã N, huyện K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Văn Cảnh